

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 34/2023/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 06 tháng 12 năm 2023

## NGHỊ QUYẾT

**Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và Danh mục công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ năm 2024 trên địa bàn tỉnh**

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

### KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 222/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và Danh mục công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ năm 2024 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 127/BC-KTNS ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Nhất trí thông qua Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và Danh mục công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ năm 2024 trên địa bàn tỉnh. Trong đó:

1. Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: 974 công trình, diện tích 7.407,52 héc ta (*chi tiết theo Phụ lục I kèm theo*).

2. Danh mục công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ

a) Công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa: 318 công trình với diện tích 510,51 héc ta (*chi tiết theo Phụ lục II kèm theo*).

b) Công trình, dự án sử dụng dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ: 26 công trình, diện tích 177,92 héc ta (*chi tiết theo Phụ lục III kèm theo*).

(Kèm theo Biểu tổng hợp Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh và Danh mục công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ của tỉnh và chi tiết từng huyện, thị xã và thành phố).

Các công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa; dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Danh mục kèm theo Nghị quyết này mà không có quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án trong năm 2024 thì được chuyển sang thực hiện trong các năm tiếp theo nhưng không được quá thời hạn 03 năm theo quy định tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị

quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2023./.

**CHỦ TỊCH**

**Hồ Quốc Dũng**

## **Phụ lục I**

# **DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Các công trình, dự án Nhà thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: tổng số 974 công trình, với diện tích là 7.407,52 héc ta; trong đó:

### **1. Phân theo địa bàn các huyện, thị xã, thành phố**

- Huyện An Lão: 42 công trình, diện tích 113,32 héc ta.
- Thị xã Hoài Nhơn: 140 công trình, diện tích 786,01 héc ta.
- Huyện Hoài Ân: 57 công trình, diện tích 96,65 héc ta.
- Huyện Phù Mỹ: 70 công trình, diện tích 589,96 héc ta.
- Huyện Phù Cát: 126 công trình, diện tích 1.204,64 héc ta.
- Thị xã An Nhơn: 106 công trình, diện tích 450,13 héc ta.
- Huyện Tuy Phước: 153 công trình, diện tích 550,56 héc ta.
- Huyện Tây Sơn: 81 công trình, diện tích 1.339,10 héc ta.
- Huyện Vĩnh Thạnh: 42 công trình, diện tích 203,28 héc ta.
- Huyện Vân Canh: 31 công trình, diện tích 230,09 héc ta.
- Thành phố Quy Nhơn: 126 công trình, diện tích 1.843,78 héc ta.

### **2. Phân theo mục đích sử dụng đất**

**2.1. Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp:** 08 công trình, với diện tích 304,50 héc ta, bao gồm:

- Huyện Hoài Ân: 01 công trình, diện tích 13,17 héc ta.
- Huyện Phù Mỹ: 03 công trình, diện tích 7,61 héc ta.
- Thị xã An Nhơn: 01 công trình, diện tích 4,00 héc ta.
- Huyện Tây Sơn: 02 công trình, diện tích 173,52 héc ta.
- Huyện Vân Canh: 01 công trình, diện tích 106,20 héc ta.

**2.2. Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp:** 966 công trình, với diện tích 7.103,02 héc ta, bao gồm:

- Đất cụm công nghiệp: 34 công trình, diện tích 918,07 héc ta;
- Đất thương mại, dịch vụ: 32 công trình, diện tích 978,48 héc ta;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 08 công trình, diện tích 36,77 héc ta;
- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 541 công trình, diện tích 1.767,18 héc ta; bao gồm:
  - + Đất giao thông: 196 công trình, diện tích 872,54 héc ta;
  - + Đất thủy lợi: 93 công trình, diện tích 199,76 héc ta;
  - + Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 18 công trình, diện tích 16,45 héc ta;
  - + Đất xây dựng cơ sở y tế: 17 công trình, diện tích 13,88 héc ta;
  - + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 62 công trình, diện tích 37,12 héc ta;
  - + Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: 22 công trình, diện tích 24,73 héc ta;
  - + Đất công trình năng lượng: 48 công trình, diện tích 205,50 héc ta;
  - + Đất công trình bưu chính, viễn thông: 01 công trình, diện tích 0,02 héc ta;
  - + Đất có di tích lịch sử - văn hóa: 12 công trình, diện tích 16,04 héc ta;
  - + Đất bãi thải, xử lý chất thải: 10 công trình, diện tích 101,47 héc ta;
  - + Đất cơ sở tôn giáo: 04 công trình, diện tích 1,91 héc ta;
  - + Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 42 công trình, diện tích 253,44 héc ta;
  - + Đất chợ: 16 công trình, diện tích 24,32 héc ta;
  - Đất sinh hoạt cộng đồng: 10 công trình, diện tích 1,81 héc ta;
  - Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 28 công trình, diện tích 58,56 héc ta;
  - Đất ở tại nông thôn: 143 công trình, diện tích 1.127,72 héc ta;
  - Đất ở tại đô thị: 150 công trình, diện tích 2.126,59 héc ta;
  - Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 12 công trình, diện tích 2,49 héc ta;
  - Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 07 công trình, diện tích 0,62 héc ta;
  - Đất có mặt nước chuyên dùng: 01 công trình, diện tích 84,73 héc ta./.

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG**  
**DƯỚI 10 HÉC TA ĐẤT TRỒNG LÚA**

*(Kèm theo Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023  
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Các công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa: tổng số 318 công trình với diện tích 510,51 héc ta, trong đó:

**1. Phân theo địa bàn các huyện, thị xã, thành phố**

- Huyện An Lão: 07 công trình, diện tích 2,03 héc ta.
- Thị xã Hoài Nhơn: 36 công trình, diện tích 61,60 héc ta.
- Huyện Hoài Ân: 27 công trình, diện tích 21,01 héc ta.
- Huyện Phù Mỹ: 28 công trình, diện tích 30,41 héc ta.
- Huyện Phù Cát: 31 công trình, diện tích 62,53 héc ta.
- Thị xã An Nhơn: 41 công trình, diện tích 99,24 héc ta.
- Huyện Tuy Phước: 60 công trình, diện tích 91,16 héc ta.
- Huyện Tây Sơn: 39 công trình, diện tích 61,65 héc ta.
- Huyện Vĩnh Thạnh: 23 công trình, diện tích 8,70 héc ta.
- Huyện Vân Canh: 04 công trình, diện tích 2,16 héc ta.
- Thành phố Quy Nhơn: 22 công trình, diện tích 70,02 héc ta.

**2. Phân theo mục đích sử dụng đất**

**2.1. Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp:** 01 công trình, với diện tích 5,36 héc ta, thuộc địa bàn huyện Tây Sơn.

**2.2. Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp:** 317 công trình, với diện tích 505,15 héc ta, bao gồm:

- Đất an ninh: 16 công trình, diện tích 7,89 héc ta;
- Đất cụm công nghiệp: 05 công trình, diện tích 25,20 héc ta;
- Đất thương mại, dịch vụ: 05 công trình, diện tích 12,60 héc ta;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 03 công trình, diện tích 1,90 héc ta;
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 01 công trình, diện tích 1,32 héc ta;
- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 157 công trình, diện tích 127,31 héc ta; bao gồm:

- + Đất giao thông: 90 công trình, diện tích 72,15 héc ta;
- + Đất thủy lợi: 23 công trình, diện tích 17,28 héc ta;
- + Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 05 công trình, diện tích 1,56 héc ta;
- + Đất xây dựng cơ sở y tế: 04 công trình, diện tích 0,61 héc ta;
- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 09 công trình, diện tích 1,74 héc ta;
- + Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: 05 công trình, diện tích 4,04 héc ta;
- + Đất công trình năng lượng: 12 công trình, diện tích 15,08 héc ta;
- + Đất có di tích lịch sử - văn hóa: 01 công trình, diện tích 0,30 héc ta;
- + Đất bãi thải, xử lý chất thải: 03 công trình, diện tích 5,35 héc ta;
- + Đất cơ sở tôn giáo: 01 công trình, diện tích 0,79 héc ta;
- + Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 01 công trình, diện tích 0,10 héc ta;
- + Đất chợ: 03 công trình, diện tích 8,31 héc ta;
- Đất sinh hoạt cộng đồng: 02 công trình, diện tích 0,34 héc ta;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 05 công trình, diện tích 5,90 héc ta;
- Đất ở tại nông thôn: 70 công trình, diện tích 147,71 héc ta;
- Đất ở tại đô thị: 46 công trình, diện tích 172,55 héc ta;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 06 công trình, diện tích 1,88 héc ta;
- Đất phi nông nghiệp khác: 01 công trình, diện tích 0,55 héc ta./.

**Phụ lục III**  
**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG**  
**DƯỚI 20 HÉC TA ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Các công trình, dự án sử dụng dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ: 26 công trình, với diện tích 177,92 héc ta, trong đó:

**1. Phân theo địa bàn các huyện, thị xã, thành phố**

- Thị xã Hoài Nhơn: 01 công trình, diện tích 19,97 héc ta.
- Huyện Phù Mỹ: 05 công trình, diện tích 15,99 héc ta.
- Huyện Phù Cát: 01 công trình, diện tích 18,74 héc ta.
- Huyện Tuy Phước: 01 công trình, diện tích 0,07 héc ta.
- Huyện Vĩnh Thạnh: 06 công trình, diện tích 30,19 héc ta.
- Huyện Vân Canh: 01 công trình, diện tích 11,92 héc ta.
- Thành phố Quy Nhơn: 11 công trình, diện tích 81,04 héc ta.

**2. Phân theo mục đích sử dụng đất**

**2.1. Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp:** không có công trình.

**2.2. Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp:** 26 công trình, với diện tích 177,92 héc ta, bao gồm:

- Đất cụm công nghiệp: 01 công trình, diện tích 4,10 héc ta;
- Đất thương mại, dịch vụ: 02 công trình, diện tích 19,35 héc ta;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 01 công trình, diện tích 4,39 héc ta;
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 03 công trình, diện tích 22,00 héc ta;
- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 14 công trình, diện tích 82,20 héc ta; bao gồm:
  - + Đất giao thông: 05 công trình, diện tích 30,58 héc ta;
  - + Đất thủy lợi: 01 công trình, diện tích 2,16 héc ta;



- + Đất công trình năng lượng: 05 công trình, diện tích 14,91 héc ta;
- + Đất có di tích lịch sử - văn hóa: 01 công trình, diện tích 6,00 héc ta;
- + Đất bãi thải, xử lý chất thải: 01 công trình, diện tích 9,55 héc ta;
- + Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 01 công trình, diện tích 19,00 héc ta;
- Đất ở tại nông thôn: 02 công trình, diện tích 27,51 héc ta;
- Đất ở tại đô thị: 01 công trình, diện tích 18,14 héc ta;
- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 01 công trình, diện tích 0,04 héc ta;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 01 công trình, diện tích 0,19 héc ta./.